

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - THÁI NGUYÊN
Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 23/9/2025.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

“V/v: ly hôn, tranh chấp con chung
và yêu cầu xác định cha cho con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÁI NGUYÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thuyết.

2. Bà Phạm Thị Hằng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thái Nguyên;

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thái Nguyên tham gia phiên tòa:** Nguyễn Thị Hương Giang- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 01/2025/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 07 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung và yêu cầu xác định cha cho con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị P, sinh năm 1991 (có mặt)

Nơi thường trú: Xóm Đ, xã P, tỉnh Thái Nguyên

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (nội dung ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 22/07/2025): Chị Đoàn Thị H, sinh năm 1995, địa chỉ: Số A, ngõ H, phường L, thành phố Hà Nội. (có mặt)

Bị đơn: Anh Dương Đình Đ, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Nơi thường trú và chỗ ở: Xóm Đ, xã P, tỉnh Thái Nguyên

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Đào Văn Đ1, sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, các bản khai và tại phiên tòa chị Trần Thị P trình bày: Chị kết hôn với anh Dương Đình Đ trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, không ai lừa dối hay ép buộc, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (nay là xã P, tỉnh Thái Nguyên) theo đúng quy định của pháp luật vào ngày 21 tháng 01 năm 2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại Đ, xã P. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng diễn ra bình thường. Đến năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn vợ

chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, lối sống, về những việc trong sinh hoạt thường ngày. Mỗi người có lối sống, suy nghĩ khác nhau. Anh Đ chơi cờ và nghiện ma túy. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đ

- Về con: Trong quá trình chung sống giữa chị và anh Đ có 01 con chung là tên Dương Trần Hà T, sinh ngày 06/4/2011. Hiện nay con chung đang ở với chị. Khi ly hôn chị xin được nuôi cháu T, không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng vì hiện nay chị làm công nhân thu nhập một tháng khoảng 10.000.000 đồng.

Tuy nhiên, trong thời gian sống ly thân với anh Đ chị đã có tình cảm với anh Đào Văn Đ1 và có con tên Trần Duy K sinh ngày 09/02/2025. Do chị và anh Đ vẫn là vợ chồng nên khi đi khai sinh chị lấy tên con là Trần Duy K, trên giấy khai sinh con vẫn có họ, chữ đệm và tên người cha là Dương Đình Đ nhưng trên thực tế cháu Trần Duy K là con ruột của anh Đào Văn Đ1. Do đó chị đề nghị Tòa án giám định ADN và xác định anh Đào Văn Đ1, sinh năm 1991, địa chỉ: thôn Đ, xã H, tỉnh Bắc Ninh là cha của cháu Trần Duy K sinh ngày 09/02/2025 theo giấy khai sinh số 19/2025 ngày 18/03/2025 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (nay là Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Thái Nguyên).

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

* *Về phía bị đơn anh Dương Đình Đ:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân Khu vực 4 – Thái Nguyên đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập cho người thân của anh Đ và niêm yết theo quy định, nhưng anh Đ không đến Tòa án làm việc do vậy không tiến hành ghi lời khai và tiến hành hòa giải được.

- *Về phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – anh Đào Văn Đ1:* Anh nhất trí trình bày của chị P xác định anh là cha của cháu bé do chị P sinh ra tên Trần Duy K sinh ngày 09/02/2025 theo giấy khai sinh số 19/2025 ngày 18/03/2025 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (nay là Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Thái Nguyên).

Tại phiếu kết quả phân tích ADN ngày 08/8/2025 của Công ty cổ phần D (G) kết luận: Anh Đào Văn Đ1 và cháu Trần Duy K có quan hệ huyết thống: CHA – CON.

Tại phiên tòa chị P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Anh Đ1 giữ nguyên ý kiến.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Đề nghị Tòa án xác định anh Đ1 là cha đẻ của cháu Trần Duy K.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - T1 quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1, 4 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 88, 101 và 102 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chị Trần Thị P. Cho chị P được ly hôn anh Đ; Về con chung của chị P và anh Đ: giao cháu Dương Trần Hà T, sinh ngày 06/4/2011 cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Đ vì chị P không yêu cầu, anh Đ được quyền đi lại thăm nom con chung; Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết; Về yêu cầu xác định cha cho con: xác định anh Đào Văn Đ1 là cha của cháu Trần Duy K sinh ngày 09/02/2025 theo giấy khai sinh số 19/2025 ngày 18/03/2025 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (nay là Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Thái Nguyên); Về chi phí tố tụng: Chị P tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định ADN, đã thực hiện xong nên không xem xét; Về án phí: Chị P phải chịu chi phí tố tụng và án phí ly hôn sơ thẩm, miễn án phí xác định cha cho con theo quy định của pháp luật. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn có đơn khởi kiện giải quyết ly hôn, tranh chấp con chung và xác định cha cho con với bị đơn anh Dương Đình Đ có nơi thường trú tại Xóm Đ, xã P, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ các quy định tại khoản 1, 4 Điều 28, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thái Nguyên.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định tại Điều 179, Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt phiên tòa không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vắng mặt bị đơn.

[2.] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị P và anh Dương Đình Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn. Vì vậy, được xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trong lối sống, quan điểm sống và không có tiếng nói chung, chị P và anh Đ đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Như vậy, chị P và anh Đ không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung vợ chồng thực tế đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét

xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P, chị P được ly hôn anh Đ là hoàn toàn phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung của chị P và anh Đ: Vợ chồng có 01 con chung tên Dương Trần Hà T, sinh ngày 06/4/2011

Hiện nay cháu T đang sinh sống cùng với chị P. Chị P xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục con chung và cháu T có nguyện vọng là được ở cùng với chị P. Anh Đ không có mặt tại phiên tòa. Xét về điều kiện, hoàn cảnh để chăm sóc, giáo dục và ổn định cuộc sống cũng như học tập của con chung nên cần giao con chung tên Dương Trần Hà T, sinh ngày 06/4/2011 cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị P không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị P khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung. Anh Đ không có lời khai nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Giành quyền khởi kiện cho các đương sự khởi kiện vụ án dân sự khác.

[2.4] Về yêu cầu xác định cha cho con:

Trong thời kỳ hôn nhân của chị P và anh Đ, ngày 09/02/2025 chị P sinh được một con trai đặt tên là Trần Duy K theo giấy khai sinh số 19/2025 ngày 18/03/2025 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (nay là Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Thái Nguyên) xác định họ, chữ đệm, tên người cha là Dương Đình Đ. Chị P xác định cháu K không phải là con chung giữa chị và anh Đ đồng thời chị yêu cầu Tòa án xác định anh Đào Văn Đ1 là cha của cháu Trần Duy K.

Anh Đào Văn Đ1 cũng xác định trong thời gian chị P sống ly thân anh Đ, anh với chị P có quan hệ tình cảm và anh xác định anh là cha của Trần Duy K sinh ngày 09/02/2025.

Tại phiếu kết quả phân tích ADN theo Giấy đề nghị phân tích ADN số: HID25 41948 của chị Trần Thị P, Công ty cổ phần D (G) tiến hành phân tích mẫu ADN của 02 người: Anh Đào Văn Đ1, sinh ngày 16/08/1991 và cháu Trần Duy K. Kết luận: Hai người trên CÓ quan hệ huyết thống: CHA – CON (BL77).

Như vậy, Hội đồng xét xử thấy: Mặc dù cháu Trần Duy K được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân giữa chị P và anh Đ. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của chị P và anh Đ1 và Kết luận giám định AND thì có đủ căn cứ xác định anh Đào Văn Đ1 là cha đẻ của cháu Trần Duy K.

[3.] Về chi phí tố tụng: Chị Trần Thị P tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định ADN và đã thực hiện xong nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4.] Về án phí: Chị Trần Thị P phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và được miễn án phí xác định cha cho con theo quy định của pháp luật.

[5.] Xét đề nghị của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thái Nguyên là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

[6.] Q kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 4 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39, các Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố Tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 88, 101 và 102 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị P về việc xin ly hôn anh Dương Đình Đ. Cho chị Trần Thị P được ly hôn anh Dương Đình Đ.

2. Về con chung của chị P và anh Đ: Giao con chung là Dương Trần Hà T, sinh ngày 06/4/2011 cho chị Trần Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Đ có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét giải quyết.

- Trong trường hợp cần thiết, vì lợi ích của con chung, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Giành quyền khởi kiện vụ kiện dân sự khác cho các đương sự, nếu có tranh chấp.

4. Về yêu cầu xác định cha cho con: Xác định anh Đào Văn Đ1, sinh ngày 16/08/1991, số CCCD: 024091001815, nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, tỉnh Bắc Ninh là cha đẻ của cháu Trần Duy K, sinh ngày 09/02/2025, số định danh cá nhân 019225001331 theo giấy khai sinh số 19/2025 ngày 18/03/2025 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (nay là Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Thái Nguyên).

Anh Đào Văn Đ1 có các quyền và nghĩa vụ của người cha đối với cháu Trần Duy K theo quy định của pháp luật.

5. Về chi phí tố tụng: Đã thực hiện xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6. Về án phí:

- Chị Trần Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000292 ngày 22/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên), chị P đã nộp đủ tiền án phí.

- Chị Trần Thị P được miễn án phí xác định cha cho con theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 4 – Thái Nguyên;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã Phú Đình;
- Lưu: HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Minh Lý

